

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 145/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp về cấp dưỡng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp về cấp dưỡng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1983 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị X trình bày:

Bà (Lê Thị X) và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2017/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C. Bà và ông Nguyễn Văn T có 03 người con chung tên là Nguyễn Ái D (giới tính nữ), sinh ngày 01/8/2008,

Nguyễn Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 25/9/2010 và Nguyễn Thành P (giới tính nam), sinh ngày 15/9/2012. Theo Quyết định trên thì bà nuôi dưỡng cả 03 người con chung, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Do giữa bà và ông Nguyễn Văn T thỏa thuận là sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T sẽ hỗ trợ về tiền bạc cho bà trong việc nuôi con. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cho đến nay, ông Nguyễn Văn T không thực hiện theo thỏa thuận là hỗ trợ cho bà trong việc nuôi con, không có trách nhiệm gì với các con. Hiện nay các con đã lớn, chi phí trong việc sinh hoạt, học hành của các con tiêu tốn rất nhiều; bà phải nuôi cả 03 người con, kinh tế rất khó khăn nên yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi cả 03 người con với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 người con/01 tháng và cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi các con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông (Nguyễn Văn T) thừa nhận việc ông và bà Lê Thị X đã thuận tình ly hôn và thống nhất giao cả 03 người con chung cho bà Lê Thị X nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ông và bà Lê Thị X ly hôn theo thỏa thuận thì bà Lê Thị X nuôi dưỡng cả 03 người con chung nhưng trên thực tế cha ông là ông Nguyễn Văn G chăm sóc, lo việc cơm nước, cho cả ba người con đều do ông Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi, chăm sóc từng miếng ăn. Chỉ thời gian gần đây khoảng 03 tháng, bà Lê Thị X dẫn các con ra thuê nhà trọ để sinh sống riêng. Còn đối với việc bà Lê Thị X cho rằng ông và bà Lê Thị X thỏa thuận ông hỗ trợ tiền bạc cho bà X trong việc nuôi con là hoàn toàn không có. Hiện ông đang làm nghề chạy xe tải (xe của ông), người khác thuê ông chuyên chở, vận chuyển hàng hóa, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, đây là nguồn thu nhập duy nhất, ngoài ra không còn thu nhập nào khác. Nhưng hiện nay ông đang nợ Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng, hàng tháng phải thanh toán tiền lãi cũng như trả tiền vốn vay. Ngoài khoản nợ ngân hàng ông còn nợ rất nhiều khoản nợ khác. Hiện tại, ông cũng không có nhà cửa đất đai để sinh sống, sống phụ thuộc vào cha mẹ ruột và sống cuộc sống không ổn định. Hiện tại cuộc sống của ông đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế nên bà Lê Thị X yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi cả 03 người con chung thì ông không đồng ý. Trường hợp bà Lê Thị X không có khả năng nuôi dưỡng các con thì bà Lê Thị X giao lại cả ba người con chung cho ông và ông nội của các cháu là ông Nguyễn Văn G nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà Lê Thị X cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông Nguyễn Văn G có đất đai, nhà cửa nên có đủ điều kiện phụ giúp ông trong việc nuôi dưỡng cả ba người con.

Đại diện chính quyền địa phương ấp C, thị trấn C, huyện P xác định: Hiện tại, so về điều kiện kinh tế thì ông Nguyễn Văn T có điều kiện và ổn định hơn bà Lê Thị X. Bà Lê Thị X phải thuê nhà, làm thuê và nuôi cả 03 người con trong độ tuổi ăn học nên điều kiện kinh tế có phần khó khăn hơn. Trong năm, địa phương xét duyệt bà Lê Thị X thuộc hộ cận nghèo giai đoạn 2019 - 2020.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị X, buộc ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi cả 03 người con. Về mức cấp dưỡng buộc ông Thắng cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 tháng/01 người con. Về thời gian cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 11/11/2019, cấp dưỡng cho đến khi cả 03 người con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Về án phí buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị X yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn T có 03 người con chung tên là Nguyễn Ái D (giới tính nữ), sinh ngày 01/8/2008, Nguyễn Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 25/9/2010 và Nguyễn Thành P (giới tính nam), sinh ngày 15/9/2012. Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2017/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C. Theo Quyết định trên thì bà Lê Thị X nuôi dưỡng cả 03 người con chung, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Do giữa bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn T thỏa thuận là sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T sẽ hỗ trợ về tiền bạc cho bà trong việc nuôi con. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cho đến nay, ông Nguyễn Văn T không thực hiện theo thỏa thuận là hỗ trợ cho bà trong việc nuôi con, không có trách nhiệm gì với các con. Hiện nay các con đã lớn, chi phí trong việc sinh hoạt, học hành của các con tiêu tốn rất nhiều; bà phải nuôi cả 03 người con, kinh tế rất khó khăn nên yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi cả 03 người con với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/một người con/01 tháng.

[3]. Ông Nguyễn Văn T trình bày, từ khi ông và bà Lê Thị X ly hôn theo thỏa thuận thì bà Lê Thị X nuôi dưỡng cả 03 người con chung nhưng trên thực tế cha ông là ông Nguyễn Văn G chăm sóc, lo việc cơm nước, cho cả ba người con đều do ông Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi, chăm sóc từng miếng ăn. Chỉ thời gian gần đây khoảng 03 tháng, bà Lê Thị X dẫn các con ra thuê nhà trọ để sinh sống riêng. Còn đối với việc bà Lê Thị X cho rằng ông và bà Lê Thị X thỏa thuận ông hỗ trợ tiền bạc cho bà Xuyên trong việc nuôi con là hoàn toàn không có. Hiện ông đang làm nghề chạy xe tải (xe của ông), người khác thuê ông chuyên chở, vận chuyển hàng hóa, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, đây là nguồn thu nhập duy nhất, ngoài ra không còn khoảng thu nhập nào khác. Nhưng hiện nay ông đang nợ Ngân hàng số

tiền 400.000.000 đồng, hàng tháng phải thanh toán tiền lãi cũng như trả tiền vốn vay. Ngoài khoản nợ ngân hàng ông còn nợ rất nhiều khoản nợ khác. Hiện tại, ông cũng không có nhà cửa đất đai để sinh sống, sống phụ thuộc vào cha mẹ ruột và sống cuộc sống không ổn định. Hiện tại cuộc sống của ông đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế nên bà Lê Thị X yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi cả 03 người con chung thì ông không đồng ý. Tuy nhiên, ông không chứng minh được các khoản vay nợ để cung cấp cho Tòa án.

[4]. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con chung theo yêu cầu của bà Lê Thị X là có căn cứ.

[5]. Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 82, các điều 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con đối với 03 người con chung là Nguyễn Ái D (giới tính nữ), sinh ngày 01/8/2008, Nguyễn Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 25/9/2010 và Nguyễn Thành P (giới tính nam), sinh ngày 15/9/2012. Cụ thể:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/01 tháng/01 người con x 03 người con = 2.235.000 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Phương thức cấp dưỡng: Được thực hiện định kỳ hàng tháng.

- Thời gian cấp dưỡng: Được tính kể từ ngày 26/11/2019 (tuyên án sơ thẩm), cấp dưỡng cho đến khi con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (cấp dưỡng) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị X được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước